TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS - PT
Ngày 23 - 8 - 2023
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và ông Nguyễn Quốc Trưởng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1970; địa chỉ: Số nhà 16, tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Anh T, sinh năm 1978 và bà Lê Thị L, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: Tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đều có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Lê Anh T và bà Lê Thị L đều là bị đơn trong vụ án.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và Bản án dân sự sơ thẩm cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Ngày 05/10/2012, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị D tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số PL7, diện tích 447m^2 thổ cư; địa chỉ: Tổ 7, phường L, thành

phố P, tỉnh Hà Nam. Nguồn gốc thửa đất của cụ Vũ Thị T1 (Mẹ chồng) tặng cho năm 2010.

Nguồn gốc thửa đất số 439, tờ bản đồ số PL7, diện tích 117m^2 của vợ chồng ông Lê Anh T và bà Lê Thị L (Liền kề với thửa đất của bà Trần Thị D) có nguồn gốc của cụ Vũ Thị T1 bán cho ông Trương Anh N (Năm 2010), ông N không sử dụng đã chuyển nhượng lại cho người khác; sau đó, tiếp tục được chuyển nhượng lại cho nhiều người và đến nay vợ chồng ông T, bà L sử dụng. Năm 2021, vợ chồng ông T, bà L bắt đầu xây dựng nhà thì trên đất không có tài sản (Đất trống).

Theo quan điểm của nguyên đơn, khi gia đình ông T, bà L xây nhà thì bà D có ra chỉ phần mốc giới giữa hai bên theo bản đồ và yêu cầu ông T, bà L xây dựng đúng mốc giới của gia đình nhưng ông T, bà L không nghe, vẫn tiến hành xây dựng lấn chiếm sang phần đất của bà D. Thấy vậy, bà D đã mua vật liệu xây cất bức tường rào theo mốc giới ngăn cách hai thửa đất nhưng ông T, bà L đã phá bỏ tường rào này, tiếp tục xây dựng công trình của gia đình và lấn chiếm sang phần đất của bà D diện tích 7m^2, loại đất ở. Nay, bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà L phải tháo rỡ tường rào và các công trình đã xây dựng, di chuyển đồng hồ nước của gia đình ra khỏi phần đất đã lấn chiếm, trả lại mặt bằng diện tích 7m^2 đất ở cho bà D; đồng thời, bồi thường phần tường rào đã phá rỡ của bà D có giá trị 1.100.000 đồng.

Quan điểm của các bị đơn ông Lê Anh T và bà Lê Thị L đều xác định: Trước khi xây nhà, ông T, bà L có đến UBND phường Lê Hồng P hỏi thủ tục xây nhà và được cán bộ chuyên môn giải thích địa điểm này không cần phải xin giấy phép xây dựng; do đó, khi xây nhà ông T, bà L không được cá nhân hay cơ quan nào có thẩm quyền chỉ dẫn mốc giới; gia đình tự xây dựng theo nguyện vọng. Khi gia đình bắt đầu xây nhà (Tháng 11/2021), bà D có sang nói gia đình ông T và bà L xây dựng lấn sang đất của bà D; sau đó, bà D xây tường rào ngăn cách phần đất của hai bên gia đình, giá trị tường rào bà D xây hết bao nhiêu, gia đình ông T, bà L không biết. Nay, ông T, bà D cho rằng việc xây dựng trên phần đất của gia đình mình là đúng, không vi phạm sang phần đất của bà D, nên gia đình đã phá bỏ bức tường rào bà D xây và tiếp tục xây dựng công trình của gia đình. Phần đất bà D đang tranh chấp, gia đình ông T, bà L có đặt đồng hồ nước sạch của gia đình và xây tường bao tiếp giáp phần đất của bà D.

Nay bà D khởi kiện đòi đất, gia đình ông T, bà L không nhất trí và xác định phần đất bà D đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông T, bà L; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

Quá trình tiến hành tố tụng, ngày 05/01/2023, Toà án đã tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ và thành lập Hội đồng định giá tài sản để kiểm tra thực địa, khảo sát và định giá tài sản đối với phần diện tích đất và tài sản trên đất đang có tranh chấp, cụ thể:

Thửa đất số 120, tờ bản đồ số PL7, diện tích 447m^2 đất ở, tại tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được UBND huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/10/2012 mang tên Trần Thị D, có giá trị là 464.880.000 đồng.

Thửa đất số 439, tờ bản đồ số PL7, diện tích 117m^2 đất ở, tại tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/10/2021 mang tên ông Lê Anh T, bà Lê Thị L, có giá trị là 121.680.000 đồng.

Phần đất hai gia đình đang tranh chấp được xác định 07m^2 đất ở, có giá trị là 7.280.000 đồng.

Tài sản trên đất tranh chấp có 01 bức tường xây gạch đỏ, kích thước (18,43 x 2,8 x 0,11)m do vợ chồng ông T, bà L xây dựng làm tường rào bao quanh thửa đất của gia đình tiếp giáp đất của bà D và 01 đồng hồ đo nước sạch sinh hoạt của hộ gia đình ông T, bà L.

Tổng giá trị đất và tài sản trên phần đất đang tranh chấp là 16.540.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 157, 165, 184, 185, 271, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 100, 166, 170 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 158, 163, 164, 166, 175, 176, 579, 580, 589 của Bộ luật Dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D:

Xác định phần diện tích 7m^2 đất thổ cư có tranh chấp mà vợ chồng ông Lê Anh T, bà Lê Thị L đang sử dụng thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số PL7, tại địa chỉ tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được UBND huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/10/2012 đứng tên bà Trần Thị D là chủ sử dụng đất hợp pháp.

Buộc ông Lê Anh T, bà Lê Thị L phải phá dỡ bức tường rào đã xây bằng gạch đỏ, kích thước rộng 0,11m, cao 2,8m, dài 18,43m và di chuyển 01 đồng hồ nước sạch của gia đình ra khỏi phần đất đã xây dựng, trả lại cho bà Trần Thị D mặt bằng diện tích 7m^2 đất ở thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số PL7 nêu trên. Phần diện tích 7m^2 đất ở này có kích thước như sau:

Phía Nam giáp ngõ đi rộng 0,64m. Phía Đông giáp thửa đất số 120 của bà D, dài 17,91m. Phía Tây giáp thửa đất số 439 của ông T, bà L dài 17,93m. Phía Bắc giáp thửa đất số 582, dài 0,16m (Có sơ đồ kèm theo).

Ông Lê Anh T và bà Lê Thị L có nghĩa vụ thanh toán bồi thường giá trị tài sản bị thiệt hại cho bà Trần Thị D số tiền 1.100.000 đồng *(Một triệu một trăm nghìn đồng)*.

Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.000.000 đồng do bà Trần Thị D đã tạm ứng và thanh toán, ông Lê Anh T và bà Lê Thị L phải thanh toán trả lại cho bà Trần Thị D toàn bộ số tiền chi phí này là 7.000.000 đồng *(Bảy triệu đồng).*

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Anh T và bà Lê Thị L phải nộp 419.000 đồng *(Bốn trăm mười chín nghìn đồng)*. Bà Trần Thị D được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001573 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, ông Lê Anh T và bà Lê Thị L kháng cáo đề nghị Tòa án công nhận 7m^2 bà D khởi kiện là của vợ chồng ông bà; không nhất trí bồi thường phần tường rào bằng gạch bi do bà D xây và không đồng ý tháo dỡ các công trình khác trên đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị đơn phải chịu án phí không có giá ngạch 300.000 đồng đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn diện tích 7m^2 đất; buộc bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch 300.000 đồng đối với việc bị đơn phải bồi thường phần tường rào trị giá 1.100.000 đồng.

Quan điểm tranh luận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

Phía bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hiện trạng thực tế mà hộ ông T, bà L đang sử dụng để làm căn cứ giải quyết vụ án; không căn cứ trên tọa độ của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các hộ để quyết định.

Phía nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tọa đồ do cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai để xác định mốc giới đang tranh chấp.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Quá trình thụ lý, giải quyết xét xử Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; sửa một phần Bản án số 02/2023/DS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý về phần án phí dân sự sơ thẩm; buộc ông Lê Anh T và bà Lê Thị L liên đới chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và buộc ông T bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án: Thửa đất số 120, tờ bản đồ số PL7, diện tích 447m^2 có nguồn gốc của cụ Vũ Thị T1 (Mẹ chồng bà D) tặng cho bà D năm 2010 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 439, tờ bản đồ số PL7, diện tích 117m^2 có nguồn gốc của cụ Vũ Thị T1 bán cho ông Trương Anh N (Năm 2010), qua nhiều lần chuyển nhượng hiện nay vợ chồng ông T, bà L đang sử dụng. Năm 2021, gia đình ông T xây dựng nhà trên đất trống, bà D yêu cầu xây dựng đúng mốc giới nhưng ông T không nhất trí nên bà D xây tường rào theo mốc giới ngăn cách hai thửa đất nhưng hộ ông T phá bỏ tường rào và tiếp tục xây dựng lấn chiếm sang phần đất của bà D diện tích đất ở 7m^2. Gia đình ông T cho rằng: Khi xây nhà, ông bà hỏi UBND phường và được cán bộ chuyên môn giải thích địa điểm này không cần phải xin giấy phép xây dựng nên khi xây nhà ông bà không được cơ quan có thẩm quyền chỉ mốc giới; gia đình tự xây dựng theo nguyện vọng và khẳng định việc xây dựng là đúng nên đã phá bỏ bức tường bà D xây và tiếp tục xây dựng công trình của gia đình. Phần đất bà D đang tranh chấp, ông T có đặt đồng hồ nước sạch của gia đình và xây tường bao tiếp giáp phần đất của bà D. Do không hòa giải được nên bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T tháo dỡ tường rào, các công trình đã xây dựng, di chuyển đồng hồ nước ra khỏi phần đất đã lấn chiếm, trả lại bà D diện tích 7m^2 đất, bồi thường phần tường rào đã phá rỡ của bà D trị giá 1.100.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của các bị đơn đề nghị công nhận 7m^2 đất mà bà D khởi kiện là của vợ chồng ông T, bà L; không nhất trí bồi thường phần tường rào bằng gạch bi do bà D xây dựng và không đồng ý tháo dỡ các công trình khác trên đất, Hội đồng xét xử thấy: Trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà D và cấp cho hộ ông T, bà L thì hai thửa đất đều có bản đồ trích đo, có tọa độ, kích thước, ranh giới rõ ràng. Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ đối với hai thửa đất, đều thể hiện gia đình ông T lấn chiếm diện tích đất ở 7m^2 của gia đình bà D nên việc ông T phá dỡ phần tường rào bằng gạch bi do bà D xây dựng là không đúng nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc ông Lê Anh T, bà Lê Thị L phải phá dỡ bức tường rào xây dựng trên phần đất bà D, di chuyển đồng hồ nước, trả lại cho bà Trần Thị D mặt bằng diện tích 7m^2 đất ở và thanh toán bồi thường giá trị tài sản bị thiệt hại cho bà Trần Thị D số tiền 1.100.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Việc bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ hiện trạng thực tế mà bị đơn đang sử dụng để xác định mốc giới là không có

căn cứ để chấp nhận. Do vậy, kháng cáo của ông T, bà L không được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa phần án phí dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy: Đây là vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất", cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc các bị đơn phải trả lại diện tích 7m^2 đất cho nguyên đơn. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét đến tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa các đương sự, xem quyền sử dụng đất đó là của ai mà không xem xét giá trị để hai bên thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau, cụ thể trong vụ án này cấp sơ thẩm buộc các bị đơn phải trả nguyên đơn diện tích 7m^2 đất (Trả bằng hiện vật) chứ không trả bằng giá trị quyền sử dụng đất (Tiền) nhưng lại áp dụng án phí có giá ngạch đối với các bị đơn là không đúng với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với phần án phí về yêu cầu bồi thường bức tường rào có trị giá 1.100.000 đồng sẽ được Hội đồng xét xử phúc thẩm tính mức án phí có giá ngạch như cấp sơ thẩm xác định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, giá trị bức tường rào dưới 6.000.000 đồng nên các bị đơn phải cùng chịu chung 300.000 đồng là phù hợp.

Từ những phân tích trên, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông T, bà L không được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu chung án phí phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Anh T và bà Lê Thị L; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 92; 147; 148; 157; 165; 184; 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 100; 166; 170; 203 của Luật Đất đai năm 2013. Các Điều 158; 163; 164; 166; 175; 176; 579; 580; 589 của Bộ luật Dân sự. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D:

1.1. Xác định phần diện tích 7m^2 đất thổ cư có tranh chấp mà vợ chồng ông Lê Anh T, bà Lê Thị L đang sử dụng thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số PL7, tại địa chỉ tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được UBND huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/10/2012 đứng tên bà Trần Thị D là chủ sử dụng đất hợp pháp.

1.2. Buộc ông Lê Anh T, bà Lê Thị L phải phá dỡ bức tường rào đã xây bằng gạch đỏ, kích thước rộng 0,11m, cao 2,8m, dài 18,43m và di chuyển 01 đồng hồ nước sạch của gia đình ra khỏi phần đất đã xây dựng, trả lại cho bà Trần Thị D mặt bằng diện tích 7m^2 đất ở thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số PL7 nêu trên. Phần diện tích 7m^2 đất ở này có kích thước như sau:

- Phía Nam giáp ngõ đi rộng 0,64m.

- Phía Đông giáp thửa đất số 120 của bà D, dài 17,91m.

- Phía Tây giáp thửa đất số 439 của ông T, bà L dài 17,93m.

- Phía Bắc giáp thửa đất số 582, dài 0,16m.

(Có sơ đồ kèm theo).

1.3. Ông Lê Anh T và bà Lê Thị L có nghĩa vụ thanh toán bồi thường giá trị tài sản bị thiệt hại cho bà Trần Thị D số tiền: 1.100.000 đồng *(Một triệu một trăm nghìn đồng).*

Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

2. Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.000.000 đồng do bà Trần Thị D đã tạm ứng và thanh toán, ông Lê Anh T và bà Lê Thị L phải thanh toán trả lại cho bà Trần Thị D toàn bộ số tiền chi phí này là 7.000.000 đồng *(Bảy triệu đồng).*

3. Về án phí:

3.1. Buộc ông Lê Anh T và bà Lê Thị L phải chịu chung số tiền 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001641 ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Ông Lê Anh T và bà Lê Thị L còn phải nộp tiếp số tiền 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng)*.

3.2. Bà Trần Thị D được hoàn trả lại số tiền 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0001573 ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán khoản tiền phải bồi thường thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Bộ phận HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy